

Bản án số: 128/2024/DS-PT

Ngày: 19 - 3 - 2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Hải Hà

Ông Hồ Minh Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Xuân Thủy - Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Hữu Duy Khánh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 tháng 01 và ngày 18, 19 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 462/2023/TLPT-DS ngày 16 tháng 11 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 270/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 349/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lý Kiều L. Sinh năm: 1967.

Địa chỉ: Số 54, đường Đoàn Thị Điểm, khóm 5, phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phan Hoàng B. Sinh năm: 1959 (có mặt).

Địa chỉ: Đường Hải Thượng Lãn Ông, khóm 6, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà Trần Mỹ V. Sinh năm: 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Số 70 đường Lê Lợi, khóm 2, phường 2, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Lý T. Sinh năm: 1990 (vắng).

Địa chỉ: Số 19 Chung Thành Châu, khóm 4, phường 5, TP. C, tỉnh C ..

+ Bà Lý Mỹ H. Sinh năm: 1971 (vắng).

Địa chỉ: Số 76 đường Lý Thường Kiệt, khóm 1, phường 7, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Do có kháng cáo của: Bà Trần Mỹ V, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:

Ngày 01/6/2017, bà Lý Kiều L có cho bà Trần Mỹ V vay số tiền 800.000.000 đồng để sang nhượng đất, khi vay có viết biên nhận nợ, không thỏa thuận thời gian trả nợ. Trước đây do nhầm lẫn nên khai có tính lãi, nhưng bà L xác định là thực tế cho bà V cho vay không tính lãi. Biên nhận đề ngày 01/6/2017 dương lịch có nội dung: “Tôi tên: Trần Mỹ V, sinh năm 1975. Có mượn của chế Lý Kiều L 800.000.000. Tám trăm triệu.”. Quá trình vay, bà V đã trả vốn cho bà L hai lần, lần 1 trả vào các ngày 02/7/2019 số tiền 300.000.000 đồng, do ông Lý T nhận đủ, lần 2 trả vào ngày 09/10/2019 số tiền 100.000.000 đồng do bà Lý Mỹ H nhận, tổng cộng đã trả vốn là 400.000.000 đồng, không trả lãi. Còn lại số tiền vốn 400.000.000 đồng. Đến tháng 5 năm 2022, bà V bán được nhà ở Phường 7, thành phố Cà Mau thì bà L đòi nợ nhưng bà V không trả nên bà L yêu cầu tính lãi. Ngoài khoản cho vay này, trước năm 2017, bà L còn cho bà V vay nhiều khoản khác nữa và có tham gia chơi nhiều chung hụi do bà V làm chủ hụi, hiện nay các bên đã thanh toán với nhau xong tiền hụi, còn các khoản nợ khác cũng chưa tất toán xong. Nay bà L yêu cầu bà V trả cho bà L là 400.000.000 đồng theo biên nhận ngày 01/6/2017 và tiền lãi từ tháng 05/2022 cho đến nay tháng 4 năm 2023 là 11 tháng, với lãi suất là 1,66%/tháng, số tiền lãi là 73.040.000 đồng. Tổng vốn và lãi là 473.040.000 đồng.

Tại bản tự khai và trình bày của bị đơn là bà Trần Mỹ V trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:

Bà có vay tiền của bà Lý Kiều L nhiều lần, nhưng không nhớ rõ các lần vay, mỗi lần vay đều có viết biên nhận nhận nợ. Lần vay đầu tiên vào khoảng năm 1995, vay nhiều lần vay xong rồi trả lại vay tiếp, đến ngày 01/6/2017, bà và bà L có kết nợ thì bà còn nợ bà L là 800.000.000 đồng và bà đã viết biên nhận nợ 800.000.000 đồng. Nhưng ngay sau khi viết xong biên nhận nợ 800.000.000 đồng, bà và bà L thỏa thuận lại là bà L có cho bà vay tổng cộng là 1.500.000.000 đồng, nên bà viết lại biên nhận nợ 1.500.000.000 đồng nhưng bà không lấy lại biên nhận 800.000.000 đồng đã viết để hủy bỏ. Khi vay số tiền 1.500.000.000 đồng, mặc dù biên nhận ghi là tiền mượn nhưng thực tế là tiền vay có thỏa thuận lãi là 3%/tháng. Mỗi tháng bà phải trả lãi là 45.000.000 đồng. Bà có đóng lãi cho bà L đầy đủ từ ngày vay là ngày 01/6/2017 cho đến tháng 5 năm 2022 thì ngưng cho đến nay.

Quá trình vay số tiền 1.500.000.000 đồng, bà đã trả cho bà L được 527.500.000 đồng, cụ thể các lần trả như sau: Ngày 02/7/2019 trả 300.000.000 đồng người nhận tên là Lý T, ngày 09/10/2019 trả 100.000.000 đồng, người nhận tiền là Lý Loan Nhỏ, là em của bà Lý Kiều L. Ngày 09/02/2021 chuyển khoản qua

Ngân hàng Công thương Việt Nam chi nhánh phường 2 trả 127.500.000 đồng. Bà có sổ tự theo dõi trả nợ.

Vào ngày 24/11/2017 âm lịch, bà L cũng có tham gia chơi 03 chung hụi tháng, hụi 10.000.000 đồng, đây hụi gồm 31 chung do bà làm chủ. Hàng tháng, tiền lãi của bà L được bà đối trừ với tiền hụi phải đóng, phần còn lại bà chuyển trả cho bà L qua chuyển khoản hoặc giao trực tiếp. Sau khi mãn hụi, bà tiếp tục trả lãi cho bà L đầy đủ cho đến tháng 5 năm 2022 thì ngưng. Ngoài ra giữa bà và bà L không có khoản vay nào khác.

Ngoài vay và chơi hụi, vào khoảng ngày 15/4/2022 âm lịch, bà có đưa tiền mặt cho bà L số tiền 700.000.000 đồng, khi đưa tiền không có viết biên nhận, mục đích để sang nhượng của bà L phần đất ngang 15,8m, chiều dài 118m, cách cổng Nhà Phần khoảng 500m tại ấp Sở Tại, xã Thạnh Phú, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Việc thỏa thuận sang nhượng không lập hợp đồng bằng văn bản chỉ nói miệng, thỏa thuận giá sang nhượng là 1.850.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, bà L không làm hợp đồng chuyển nhượng phần đất trên cho bà theo qui định của pháp luật. Bà L nói lấy số tiền 700.000.000 đồng này trừ vào số nợ 1.500.000.000 đồng đã vay.

Nay bà không đồng ý số tiền 700.000.000 đồng mà bà L đã nhận vào khoản nợ 1.500.000.000 đồng. Đối với biên nhận nợ 800.000.000 đồng mà bà L khởi kiện trong vụ án này, bà cho rằng hiện nay bà đã trả cho bà L khoản 4.000.000.000 đồng, nên không còn nợ bà L bất kỳ khoản vốn và lãi nào nên không đồng ý trả.

Tại bản tự khai ngày 30/8/2023 của ông Lý T thể hiện: Bà L nhờ ông T nhận 200.000.000 đồng từ bà V, sau khi nhận ông giao lại cho bà L.

Tại bản tự khai ngày 30/8/2023 của bà Lý Mỹ H (Loan Nhỏ) thể hiện: Bà L nhờ bà H nhận 100.000.000 đồng từ bà V, sau khi nhận bà giao lại cho bà L.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 270/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lý Kiều L.

Buộc bà Trần Mỹ V thanh toán cho bà Lý Kiều L tổng số tiền 426.560.000 đồng (trong đó tiền vốn là 400.000.000 đồng, tiền lãi là 26.560.000 đồng).

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lý Kiều L số tiền lãi chênh lệch là 46.480.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thanh toán, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 10/10/2023, bị đơn bà Trần Mỹ V kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn bà Trần Mỹ V trình bày: Giữa bà V với bà L làm ăn chung, bà V vay mượn nợ của bà L nhiều lần, đến đầu năm 2017 bà L điện thoại báo bà V thiếu

1,5 tỷ vốn (nhưng theo bà V thì thực tế bà V chỉ thiếu khoản 1,2 tỷ vốn) và bà V đóng lãi trên vốn phần vốn 1,5 tỷ đồng, đóng lãi 3%/tháng, cho đến tháng 01/2021; từ tháng 02/2021 đến tháng 4/2022 đóng lãi 2,5%/tháng; Hình thức đóng lãi là chuyển khoản và sau khi trừ tiền hội sống (bà L tham gia 03 chung hội 10 triệu đồng) còn lại bao nhiêu thì chuyển vào tài khoản bà L. Tiền vốn trả được 1,2 tỷ đồng. Bà V đã đóng lãi cho L nhiều, nay bà V không đồng ý trả thêm khoản nào nữa; bà V yêu cầu áp dụng mức lãi 1,66%/tháng để trừ số lãi bà V đã đóng cho bà L và trừ vào phần vốn, còn thừa thì bà L hoàn trả lại cho bà V.

- Đại diện nguyên đơn trình bày: Giữa hai bên làm ăn với nhau, việc bà V mượn nợ bà L nhiều lần để mua nền nhà, khi bà V bán nền nhà nhưng không trả nợ cho bà L. Bà L không có nhận tiền lãi như bà V trình bày. Bà L có tham gia hội do bà V làm chủ 06 chung, bà L đóng hội bằng tiền mặt chứ không có sự việc lấy tiền lãi đóng hội. Nguyên đơn đồng ý với bản án sơ thẩm, không thống nhất với kháng cáo của bà V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng khấu trừ phần tiền lãi suất mà bà V đã trả cho bà L.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bà Trần Mỹ V còn trong thời hạn quy định nên được chấp nhận. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lý T và Lý Mỹ H (Loan Nhỏ) xin vắng, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, được chấp nhận.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Trần Mỹ V yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

Bản án sơ thẩm tuyên buộc bà V thanh toán cho bà L vốn vay 400.000.000 đồng và lãi 26.560.000 đồng. Bà V không đồng ý vì bà đã đóng lãi vượt phần vốn vay rất nhiều.

Qua xem xét toàn diện chứng cứ tại cấp sơ thẩm và tại cấp phúc thẩm, Hội đồng xét xử xem xét:

2.1- Về vốn vay

Tại cấp sơ thẩm bà V trình bày từ năm 1995 bà và bà L làm ăn với nhau, bà V vay tiền nhiều lần, vay rồi trả lại vay tiếp, đến ngày 01/6/2017, bà V viết biên nhận nợ 800.000.000 đồng, sau đó bà L thông báo bà V thiếu tổng cộng 1,5 tỷ

đồng vốn, nhưng bà V không lấy lại biên nhận 800.000.000 đồng. Tại cấp phúc thẩm (tại phiên tòa, biên bản đối chất, biên bản làm việc) thì bà V xác nhận thực tế thiếu khoảng 1,2 tỷ vốn vay.

Tại biên bản đối chất bà V xác nhận đã trả 1,2 tỷ vốn vay, còn thiếu bà L 400.000.000 đồng (trong đó 300.000.000 đồng vốn, 100.000.000 đồng lãi). Tại phiên tòa ngày 18/3/2024, bà V xác nhận còn thiếu bà L vốn 600.000.000 đồng.

Qua lời khai của bà V tại hồ sơ và tại cấp phúc thẩm không có sự thống nhất, ở mỗi lần trình bày bà V xác định vốn vay có sự mâu thuẫn nhau.

Về phía bà L xác định, bà V mượn tiền nhiều lần và đã thanh toán nên hai bên không tranh chấp; đối với biên nhận nợ 800.000.000 đồng bà V mới trả được 400.000.000 đồng vốn, còn nợ bà L 400.000.000 đồng vốn. Bà V không đưa ra được chứng cứ đã thanh toán hết nợ cho bà L theo giấy nợ 800.000.000 đồng. Căn cứ vào “Biên nhận” nợ ngày 01/6/2017 (dương lịch), có căn cứ xác định bà V nợ bà L 400.000.000 đồng vốn.

2.2- Xem xét về lãi suất

Bà V trình bày, từ tháng 01/2017 đến tháng 01/2021 bà V trả lãi suất 3%/tháng; từ tháng 02/2021 đến tháng 5/2022 trả lãi 2,5%/tháng. Và số tiền lãi bà V trả khoản 2,7 tỷ đồng. Bà V yêu cầu tính lại lãi suất bằng 1,66%/tháng. Số tiền bà V đóng lãi thừa thì bà L hoàn trả lại cho bà V.

2.2.1- Bà L trình bày không nhận tiền lãi từ bà V trong khoản vốn 800.000.000 đồng vì là chỗ thân tình bà cho mượn tiền mua nền nhà; bà V chuyển vào tài khoản bà L không liên quan đến biên nhận nợ 800.000.000 đồng và cũng không liên quan đến khoản vay mà nguyên đơn khởi kiện. Tuy nhiên, tại biên bản đối chất bà L xác nhận hai bên có giao dịch khoản tiền 1,5 tỷ đồng, trong đó có biên nhận 800.000.000 đồng; bà L không đưa ra được căn cứ chứng minh tiền bà V chuyển vào tài khoản bà L hàng tháng là từ giao dịch nào, trong khi đó chứng từ chuyển khoản thể hiện từ đầu năm 2017 đến tháng 4/2022. Vì vậy, số tiền bà V chuyển vào tài khoản bà L thì bà L phải chịu trách nhiệm.

Tại cấp phúc thẩm bà V cung cấp chứng từ chuyển khoản, qua đối chiếu có nhiều chứng từ trùng lặp, cho nên Hội đồng xét xử chấp nhận những chứng từ hợp lệ mà bà V chuyển vào tài khoản bà L tổng số tiền là 1.296.000.000 đồng (làm tròn số), cụ thể: Năm 2017, là 278.863.000 đồng; năm 2018, là 223.120.000 đồng; năm 2019, là 371.094.000 đồng; năm 2020, là 212.616.000 đồng; năm 2021, là 136.312.000 đồng và năm 2022, là 74.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm chiều ngày 18/3/2024, bà V nộp tài liệu chứng cứ bổ sung. Qua đối chiếu những chứng từ bà V nộp thì có nhiều chứng từ trùng với chứng từ bà V đã nộp các ủy nhiệm chi vào ngày 06/3/2024, chứng từ hợp lệ được chấp nhận là 141.405.000 đồng.

Tổng cộng tiền bà V chuyển khoản cho bà L là 1.296.000.000 đồng + 141.405.000 đồng = 1.437.405.000 đồng.

2.2.2- Xét yêu cầu của bà V áp dụng mức lãi 1,66%/tháng để đối trừ vào khoản tiền lãi mà bà V đã đóng cho bà L

Theo lời trình bày của bà V, bà đóng lãi từ tháng 01/2017 đến tháng 5/2022 trên số vốn 1,5 tỷ đồng, nay bà V yêu cầu tính lãi suất 1,66%/tháng; Hội đồng xét xử nhận thấy mức lãi này là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ngoài ra, bà V xác nhận: Bà L điện thoại báo là bà V thiếu 1,5 tỷ đồng nên bà V đã đóng lãi trên số tiền vốn 1,5 tỷ đồng từ tháng 01/2017. Qua đó cho thấy bà V mặc nhiên đồng ý với số vốn 1,5 tỷ đồng. Tại biên bản ngày 07/3/2024, bà V trình bày vào ngày 02/7/2019 bà V trả vốn 300.000.000 đồng; ngày 09/10/2019 trả vốn 100.000.000 đồng; ngày 09/02/2021 trả vốn 100.000.000 đồng và tháng 5/2022 trả vốn 700.000.000 đồng.

Tiền lãi được tính như sau:

Từ tháng 01/2017 đến tháng 7/2019 tính tròn 30 tháng x 1,5 tỷ vốn x 1,66%/tháng = 747.000.000 đồng.

Từ tháng 8/2019 đến tháng 10/2019 tính tròn 03 tháng x 1,2 tỷ vốn x 1,66%/tháng = 59.760.000 đồng.

Từ tháng 11/2019 đến tháng 02/2021 tính tròn 16 tháng x 1,1 tỷ vốn x 1,66%/tháng = 292.160.000 đồng.

Từ tháng 02/2021 đến tháng 5/2022 tính tròn 15 tháng x 01 tỷ vốn x 1,66%/tháng = 249.000.000 đồng.

Tổng số tiền lãi mà bà V yêu cầu tính theo mức 1,66%/tháng bằng 1.347.920.000 đồng .

2.2.3- Đối trừ tiền bà V chuyển khoản cho bà L và khoản lãi mà bà V có trách nhiệm thanh toán theo mức lãi 1,66%/tháng, thì số tiền chênh lệch được khấu trừ cho bà V bằng 1.437.405.000 đồng - 1.347.920.000 đồng = 89.485.000 đồng.

2.2.4- Theo như bà V trình bày, ngoài số tiền lãi bà V chuyển vào tài khoản bà L, thì hàng tháng bà V còn phải đóng hụi sống cho bà L khoảng 18 đến 19 triệu đồng cho 03 chung hụi do bà V làm chủ. Việc lấy tiền lãi đóng hụi bà L không thừa nhận, theo bà L thì bà có vô 06 chung hụi do bà V làm chủ, hàng tháng bà đóng hụi bằng tiền mặt đầy đủ và hụi đã mãn, hai bên không tranh chấp về hụi. Tại cấp phúc thẩm, Tòa án giải thích pháp luật và ấn định thời gian cho bà V để cung cấp chứng cứ liên quan đến việc hàng tháng bà lấy tiền lãi đóng hụi cho bà L nhưng bà V không cung cấp và không đưa ra chứng cứ chứng minh, cho nên tự gánh chịu hậu quả theo quy định tại Điều 6 Bộ luật tố tụng dân sự về cung cấp chứng cứ và chứng minh trong tố tụng dân sự.

[3] Từ phân tích trên, thì số tiền bà V đã chuyển khoản cho bà L nhiều hơn số tiền tính theo mức lãi pháp luật quy định là 89.485.000 đồng. Nên được khấu trừ vào nghĩa vụ thanh toán 426.560.000 đồng – 89.485.000 đồng = 337.075.000 đồng.

[4] Hội đồng xét xử chấp nhận số tiền 426.560.000 đồng để khấu trừ mà không tính toán lại là vì từ tháng 5/2022 đến nay nếu tính lãi suất 20%/năm thì số tiền lãi bà L được nhận sẽ nhiều hơn 26.560.000 đồng, không gây bất lợi cho bà V.

[5] Tại cấp phúc thẩm, bà V đặt ra yêu cầu số tiền 700.000.000 đồng mà bà V đưa cho bà L để mua nền nhà nhưng bà L tự ý trừ vào khoản vốn vay thì bà V không đồng ý, nên bà yêu cầu bà L trả lại khoản tiền 700.000.000 đồng. Nhận thấy, tại cấp sơ thẩm bà V không đề cập và không yêu cầu phản tố liên quan đến khoản tiền này nên cấp sơ thẩm không xem xét; do đó, cấp phúc thẩm không đặt ra xem xét khi cấp sơ thẩm chưa giải quyết. Mặt khác, bà V không kháng cáo nội dung này.

[6] Với nhận định trên, buộc bà V thanh toán cho bà L vốn và lãi bằng 337.075.000 đồng. Do đó, chấp nhận một phần kháng cáo của bà V; sửa một phần bản án sơ thẩm như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[7] Về án phí

- Do sửa một phần bản án sơ thẩm nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch có thay đổi:

Bà V phải chịu 16.853.750 đồng (chưa nộp).

Bà L phải chịu 6.798.250 đồng. Bà L đã dự nộp 11.461.000 đồng theo biên lai thu số 0003394 vào ngày 18/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, được đối trừ; bà L được nhận lại 4.662.750 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm bị đơn không phải chịu, đã dự nộp được nhận lại.

[8] Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Trần Mỹ V; sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 270/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Căn cứ vào các Điều 26, 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 468, 469 Bộ luật dân sự;

Tuyên xử:

1- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lý Kiều L.

Buộc bà Trần Mỹ V thanh toán cho bà Lý Kiều L tổng số tiền vốn và lãi là 337.075.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà L cho đến khi thi hành án xong, bà V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lý Kiều L số tiền chênh lệch là 135.965.000 đồng.

3- Về án phí

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà V phải chịu 16.853.750 đồng (chưa nộp).

Bà L phải chịu 6.798.250 đồng. Bà Lý Kiều L đã dự nộp 11.461.000 đồng theo biên lai thu số 0003394 ngày 18/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, được đối trừ; bà L được nhận lại 4.662.750 đồng.

- Án phí phúc thẩm: Bà V không phải chịu. Ngày 11/10/2023 bà Trần Mỹ V đã nộp dự phí phúc thẩm 300.000 đồng tại biên lai số 0008437 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại.

4- Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Hiền

